

Bản án số: 32/2019/ HNGĐ - ST

Ngày 21/11/ 2019

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THANH PHỐ NINH BÌNH – TỈNH NINH BÌNH

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú;

Bà Nguyễn Thị Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên toà:Bà Phạm Thị Thùy Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Vũ Thị H**, sinh năm 1981; Địa chỉ: p 7, p T1, T phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện nay: thôn D, xã Y, huyện Ý , tỉnh N

- Bị đơn: **Anh Đặng Văn T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: : p 7, p T1, T phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa: Có mặt chị H, vắng mặt lần hai anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị H trình bày: Chị kết hôn với anh Đặng Văn T hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh N1 vào ngày 15/01/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 thời gian. Đến năm 2009 vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, va chạm do anh T thường xuyên đánh đập chị vô cớ. Năm 2012 chị không chịu nổi nên đã bỏ về quê ở Kim Sơn. Năm 2016 gia đình chồng chị và bản thân anh T cũng tìm chị về và khuyên nhủ hòa giải, chị nghĩ thương con đã quay về sống với anh T nhưng tính nết anh T không thay đổi anh chửi bới thậm tệ và đánh đập chị và các con nhiều lần hơn. anh T không tu chí làm ăn phó mặc

cho chị buôn bán nuôi con và lo cho cuộc sống của cả gia đình. Thời gian gần đây anh ấy lại đánh đập chị, không chịu nổi chị phải báo UBND phường Đ để can thiệp bảo vệ tính mạng của mình. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm gì. Ngày 28/5/2019 chị và các con đã thuê nhà ra ở chỗ khác. Chị không còn tình cảm với anh T mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Đặng Văn T có hai con chung là cháu Đặng Anh Đ sinh ngày 30/9/2002; và cháu Đặng Phương Th sinh ngày 23/1/2004. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với chị H. Trường hợp ly hôn, chị H đề nghị nuôi dưỡng cả hai cháu Đ và Th, chị không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm nghề tự do, có thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000đồng/ tháng.

Về tài sản: Vợ chồng anh chị có 01 căn nhà 03 tầng xây dựng trên diện tích đất 62,3m² tại p 7, phường Đ, thành phố N2, tỉnh N1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/6/2007 đứng tên Đặng Văn T và Vũ Thị H, nguồn gốc đất là do bố mẹ chồng khi còn sống cho cả hai vợ chồng. Chị đề nghị Tòa án chia tài sản chung là nhà và đất nêu trên. Ngoài ra còn có một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình giá trị không lớn, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng anh chị không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại Phiên tòa Nguyên đơn chị Vũ Thị H: Vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn T vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung chị đề nghị được hai nuôi cháu Đức và cháu Thảo, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai cháu. Về tài sản chung vẫn đề nghị tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng, và công nợ không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Đặng Văn T đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Vợ anh đã bỏ đi một lần rồi lại quay về. Vợ chồng anh chị có việc xô sát cãi nhau và vợ anh mang con bỏ đi vì các con còn nhỏ nên anh không nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Đặng Anh Đ và cháu Đặng Phương Th. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với vợ anh. Anh T không nhất trí ly hôn nên đề nghị là chị H mang con về cho anh nếu sau này có chuyện gì thì vợ anh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Nếu ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án cho anh được nuôi hai cháu.

Về tài sản chung: vợ chồng anh có 01 căn nhà 03 tầng xây dựng trên diện tích đất 62,3m² tại p 7, phường Đ, thành phố N2, tỉnh N1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/6/2007 đứng tên Đặng Văn T và Vũ Thị H, nguồn gốc đất là do bố mẹ anh cho anh để anh ở hết đời sau rồi đến đời con anh. Nếu vợ anh yêu cầu chia tài sản thì anh đồng ý chia tài sản chung nào của vợ chồng làm được thì sẽ chia đôi.

Công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T có bản tự khai và sau đó anh T không làm việc với Tòa án, vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ, cho anh T nhưng anh T không làm việc gì và không có quan điểm thêm gì nữa.

Anh Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

- Ngày 22/08/2019, Tòa án tiến hành xác minh tại p7, phường Đ. Tại đây ông Phạm Văn Q, tổ trưởng tổ dân phố cho biết: vợ chồng anh T và chị H sau khi kết hôn có chung sống với nhau ở tại phố 7, phường Đông T. Năm 2012 vợ chồng chị H, anh T có thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xô xát nguyên nhân mâu thuẫn do chị H và anh T bất đồng quan điểm sống anh T nghi ngờ chị H ngoại tình nên chị H bỏ về quê đến năm 2015 quay về chung sống với anh T do có sự tác động của gia đình hai bên khuyên bảo. Đến đầu năm 2019 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn có việc đánh chửi nhau giữa hai vợ chồng, chị H đã đưa hai con ra thuê nhà ở riêng. Anh chị ly thân từ đó đến nay.

Ngày 04/09/2019, Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình tiến hành xác minh tại UBND phường Đ cung cấp: về nguồn gốc thửa đất số 104^d, tờ bản đồ số 28, p 7, phường Đ, thành phố N2, mang tên của anh Đặng Văn T và chị Vũ Thị H phát sinh từ thửa đất của ông Đặng Văn H1 và bà Đinh Thị T1. Theo sổ mục kê và bản đồ năm 2003 ông H1 và bà T1 có thửa đất số 104, bản đồ số 28, p 7, phường Đ, thành phố N2, tỉnh N1 có diện tích số 236,1m², năm 2005 ông H1 và bà T1 tách thửa đất trên T 03 thửa: Thửa số 104^a diện tích 137m², Thửa số 104^b diện tích 72 m² và thửa số 104^c diện tích 24,1m². Năm 2007 khi còn sống ông H1 và bà T1 tách thửa số 104^a ra cho anh Đặng Văn T và chị Vũ Thị H 62,3m² T thửa số 104^d tại bản đồ số 28, phố 7, phường Đông T, T phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Ông Đặng Văn H1 chết năm 2011 và bà Đinh Thị T1 chết năm 2015.

Ngày 25/09/2019, Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N2, tỉnh N1 cung cấp: về nguồn gốc thửa đất số 104^d, tờ bản đồ số 28, p 7, phường Đ, thành phố N2, tỉnh N1, quyền sử dụng đất mang tên anh Đặng Văn T và chị Vũ Thị H, phát sinh từ thửa đất của ông Đặng Văn H1 và bà Đinh Thị T1 năm 2007 ông H1 và bà T1 tách thửa số 104^a diện tích 137m² ra cho anh Đặng Văn T và chị Vũ Thị H diện tích 62,3m² đất và diện tích nhà cấp 4 là 32m² T thửa số 104^d tại

bản đồ số 28, p 7, phường Đ, thành phố N2, tỉnh N1. Thủ tục tách ông H1 và bà T1 có đơn xin chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ngày 27/3/2007 và sơ đồ hiện trạng khu đất chuyển nhượng đều kê khai tên của cả anh Đặng Văn T và chị Vũ Thị H. Ngày 01/6/2007 UBND thành phố N2 ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh Đặng Văn T và chị Vũ Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá tài sản đã định giá tài sản tranh chấp. Theo yêu cầu của Nguyên đơn chị Vũ Thị H.

- Về xem xét thẩm định tại chỗ: Đối với toàn bộ tài sản của chị Vũ Thị H và anh Đặng Văn T gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 62,3m² đất và nhà ở 03 tầng, công trình phụ khép kín, tại thửa 104^d, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: p 7, phường Đ, thành phố N2, tỉnh N1. Kết quả như sau:

+ Tổng diện tích đất 62,3m², kích thước và vị trí tiếp giáp: Phía Đông, giáp ngõ đi kích thước 13,8m; Phía Tây, giáp đất ông Hạ kích thước 13,8m; Phía Nam, giáp đường phố kích thước 4,5m, phía Bắc giáp đất ông Thiện kích thước 4,5m.

+ Tài sản trên đất gồm có: 01 nhà 03 tầng, móng xây đá hộc, tường xây gạch tuynen, mái bằng xi măng cốt thép, tổng diện tích cả 03 tầng là 154,4m² (kèm theo là sơ đồ mặt bằng nhà và đất)

- Về kết quả định giá của Hội đồng định giá thì kết quả như sau:

+ Về diện tích đất: Tổng diện tích đất là 62,3m². Theo giá nhà nước quy định là 4.000.000đ / m². Tổng giá trị: 4.000.000đ x 62,3m² = 249.200.000đ

Theo giá thị trường tham khảo: 15.000.000đ/m²

Tổng giá trị 15.000.000đ x 62,3m² = 934.500.000đ

+ Về tài sản trên đất: 01 nhà mái bằng 03 tầng, tổng kích thước của 03 tầng 154,4m², nhà xây năm 2009.

Giá trị nhà ở theo quy định 4.695.934 đ /m² x 154,4m²= 725.052.200đ.

Giá trị nhà sử dụng là 60% : 725.052.200đ x 60% = 435.031.300đ

Tổng giá trị nhà và đất là: 934.500.000 đ + 435.031.300đ = 1.369.531.300đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Ninh Bình tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 157, 158, 165, 166 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị H về việc “Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” đối với anh Đặng Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị H với anh Đặng Văn T

2. Về con chung: giao cháu Đặng Đức A, sinh ngày 30/9/2002 và cháu Đặng Phương Th, sinh ngày 23/01/2004 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung: Giao cho anh Đặng Văn T được quyền sử dụng đất và hữu tài sản trên đất đối với thửa đất diện tích 62,3m² thuộc thửa số 104^d, tờ bản đồ số 28 có địa chỉ tại phố 7, phường Đông T, T phố Ninh Bình; tài sản gắn liền với đất là căn nhà 03 tầng bê tông cốt thép.

Anh Đặng Văn T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho chị H 547.812.500 đồng.

4. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị H đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản. Tại phiên tòa Chị Vũ Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này không yêu cầu anh T phải hoàn lại nên ghi nhận sự tự nguyện của chị H.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Vũ Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 25.912.500 đ. được trừ và số tiền tạm ứng án phí là 10.700.000đ còn lại phải nộp là 15.212.500đồng

Anh Đặng Văn T phải nộp án phí chia tài sản chung là 36.651.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn chị Vũ Thị H và bị đơn anh Đặng Văn T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phố 7, phường Đông T, T phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Do đó căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân T phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham gia phiên tòa và tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Đặng Văn T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh N1. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2009 vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, va chạm do anh T thường xuyên đánh đập chị vô cớ. Năm 2012 chị không chịu nổi nên đã bỏ về quê ở Kim Sơn. Năm 2016 gia đình chồng chị và bản thân anh T cũng tìm chị về và khuyên nhủ hòa giải, chị nghĩ thương con đã quay về sống với anh T nhưng tính nết anh T không thay đổi anh chửi bới thậm tệ và đánh đập chị và các con nhiều lần hơn. Anh T không tu chí làm ăn phò mặc cho chị buôn bán nuôi con và lo cho cuộc sống của cả gia đình. Thời gian gần đây anh ấy lại đánh đập chị không chịu nổi chị phải báo

UBND phường Đ đề can thiệp tính mạng của mình. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm gì. Ngày 28/5/2019 chị và các con đã thuê nhà ra ở chỗ khác. Tại phiên tòa chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị H đề nghị xin ly hôn anh T. Anh T trình bày Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian sau đó có sự mâu thuẫn và xô xát và có việc chị H bỏ đi năm 2012 rồi quay về, nay chị H bỏ đi tiếp nhưng do con còn nhỏ anh T không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,, vợ chồng sống ly thân, chị H đã dọn nhà ra ở chỗ khác ở không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau; chính quyền địa phương nơi anh T, chị H cư trú cũng xác nhận anh chị mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, anh T, chị H thường xuyên đánh chửi nhau và không tôn trọng nhau. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Đặng Văn T là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Đặng Anh Đ sinh ngày 30/9/2002; và cháu Đặng Phương Th sinh ngày 23/1/2004. Từ khi chị H dọn ra chỗ khác ở, hai cháu Đ và cháu Th do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H đề nghị nuôi cả hai cháu Đ và cháu Th do từ trước tới giờ chỉ do một mình kiếm tiền và chăm sóc nuôi các cháu ăn học. Chị H buôn bán có thu nhập ổn định, đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Mặt khác, đơn trình bày của hai cháu Đ và cháu Th có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Anh Đ và cháu Đặng Phương Th đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

[4] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Tài sản chung, công nợ chung: Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị H đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng anh chị có 01 căn nhà 03 tầng xây dựng trên diện tích đất 60,3m² tại p 7, phường Đ, T phố N2, tỉnh N1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/6/2007 đứng tên Đặng Văn T và Vũ Thị H. Hội đồng xét xử thấy nguồn gốc diện tích đất 60,3m² tại p 7, phường Đ, T phố N2 có nguồn gốc của cha mẹ anh Đặng Văn T là ông Đặng Văn H1 và bà Định Thị T1 để lại. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhiều tài liệu như đơn xin chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; đơn xin nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, sơ đồ hiện trạng khu đất chuyển nhượng; thì đều thể hiện kê khai tên của hai vợ chồng là anh T và chị H; anh T và chị H đã kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân T phố N2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cả hai vợ chồng là anh Đặng Văn T và chị Vũ Thị H

diện tích 62,3m² ngày cấp 1/6/2007. Quá trình sử dụng đất anh T, chị H đã xây dựng căn nhà 3 tầng trên đất và công trình phụ. Như vậy, cơ sở pháp lý và thực tế xác định nhà đất trên là của chung vợ chồng anh T và chị H.

Giá trị tài sản chung của cả hai vợ chồng anh T và chị H Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 10/10/2019 thì Tổng trị giá tài sản nhà và đất theo giá thị trường là 1.369.531.300đ. Xét về công sức đóng góp thì thấy nguồn gốc đất là của bố mẹ anh T khi còn sống cho hai vợ chồng anh chị nên cần chia cho anh T được 60% tổng giá trị tài sản, còn chị H là 40% tổng giá trị tài sản. Tương ứng với tỷ lệ thì anh T được hưởng giá trị tài sản là 821.718.700 đồng. Xét thấy thửa đất trên anh T vẫn đang sinh sống ở đó, chị H đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ ở riêng, do vậy giao cho anh T được hưởng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất trên, anh T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho chị H 547.812.500 đồng là phù hợp với Điều 59, 62 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị H đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản. Tại phiên tòa Chị Vũ Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này không yêu cầu anh T phải hoàn lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Theo quy định tại Nghị quyết 326 mỗi người được chia tài sản phải chịu án phí tương đương với phần tài sản mình được chia.

Tổng giá trị tài sản chị H được chia là 547.812.500đ. Chị H phải chịu: 20.000.000đ + 4% của phần vượt quá 400.000.000đ = 25.912.500 đ. được trừ và số tiền tạm ứng án phí là 10.700.000đ còn lại phải nộp là 15.212.500đ

Tổng giá trị tài sản anh T được chia là 821.718.700đ. anh T phải chịu: 36.000.000đ + 3% của phần vượt quá 800.000.000đ = 36.651.500 đ.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 37, 53, 56, 59, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 95, 170 Luật đất đai; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35, 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị H. Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn đối với anh Đặng Văn T. Quan hệ hôn nhân của chị Vũ Thị H và anh Đặng Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Anh Đ sinh ngày 30/9/2002 và cháu Đặng Phương Th 23/1/2004 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Đặng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi hai con.

Anh Đặng Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh Đặng Văn T được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất đối với thửa đất diện tích 62,3m² thuộc thửa số 104^d, tờ bản đồ số 28 có địa chỉ tại p 7, phường Đ, T phố N2; tài sản gắn liền với đất là căn nhà 03 tầng bê tông cốt thép.

Anh Đặng Văn T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho chị Vũ Thị H số tiền là 547.812.500đ (Năm trăm bốn bảy triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

4. Án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí chia tài sản là 25.912.500đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.700.000đ. Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001187 ngày 16 Tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự T phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; chị Vũ Thị H còn phải nộp bổ sung là 15.512.500đồng (Mười năm triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng)

Anh Đặng Văn T phải nộp án phí chia tài sản 36.651.500đồng (Ba sáu triệu sáu trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng).

4. Án xử công khai chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TPNB;
- Chi cục THA TPNB;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lâm Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA